

Số:46 /KH-TVD

Bình Thạnh, ngày 08 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
KIỂM TRA HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2023 – 2024

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ công văn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh về việc Hướng dẫn đánh giá định kì cuối năm học các môn học cấp Tiểu học, năm học 2023-2024.

Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện đề ra kế hoạch tổ chức kiểm tra Học kì II năm học 2023-2024 như sau:

I/ Yêu cầu chung

- Thực hiện theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

- Kiểm tra định kì cuối năm học là một trong những điều kiện để xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học. Đồng thời cũng nhằm chuẩn bị cho hoạt động bàn giao, nghiệm thu chất lượng dạy học giữa các khối lớp trong trường tiểu học và giữa trường tiểu học với trường trung học cơ sở.

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy tất cả khả năng; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Tuyệt đối không chạy theo thành tích để có kết quả cao. Cần có biện pháp thích hợp không để học sinh coi bài, chép bài lẫn nhau. Giáo viên tuyệt đối không được nhắc bài cho học sinh chép, phải thực sự tạo công bằng đối với học sinh. Tinh thần trách nhiệm, phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong công việc được giao là niềm tin yêu của xã hội.

- Tổ khối có kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh yếu kém. Việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 2 buổi/ngày, không soạn đề cương, bài mẫu bắt buộc học sinh làm quá nhiều bài tập, học thuộc lòng bài tử. Giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh cách tự học, ôn tập theo sách giáo khoa hiện đang sử dụng.

II/ Thời gian kiểm tra

TUẦN	THỨ NGÀY	BUỔI	MÔN THI	GIỜ MỞ ĐỀ	GIỜ KIỂM TRA	GHI CHÚ
31 Từ 22/04 đến 26/04	Cả tuần	Sáng Chiều	Tin học			
	Thứ Ba 23/04	Sáng	Khoa học 4	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
			Khoa học 5	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
			Tiếng Anh: Nghe – Đọc – Viết 3	7 giờ 30	7 giờ 40	60 phút, (Nghe 20 phút + Viết 20 phút + Đọc 20 phút)
			Tiếng Anh: Nói 3	9 giờ 00	9 giờ 10	Theo hướng dẫn
	Thứ Tư 24/04	Sáng	Tiếng Anh: Nói 5	7 giờ 30	7 giờ 30	Theo hướng dẫn
		Sáng	Lịch Sử - Địa lí 4	9 giờ 00	9 giờ 10	35 phút
	Thứ Năm 25/04	Sáng	Tiếng Anh: Nghe – Đọc – Viết 5	7 giờ 30	7 giờ 40	90 phút, (Nghe 30 phút + Viết 30 phút + Đọc 30 phút)
	Thứ Sáu 26/04	Sáng	Lịch Sử - Địa lí 5	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
		Sáng	Tiếng Anh: Nghe – Đọc – Viết 4	7 giờ 30	7 giờ 40	60 phút, (Nghe 20 phút + Viết 20 phút + Đọc 20 phút)
			Tiếng Anh: Nói 4	9 giờ 00	9 giờ 10	Theo hướng dẫn
32 Từ 29/04 đến 03/05	Cả tuần	Sáng Chiều	Tin học			Các lớp chưa tiến hành kiểm tra do đụng lịch kiểm tra
	Thứ Sáu 03/05	Sáng	Công nghệ 3	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
			Công nghệ 4	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
33 Từ 06/05 đến 10/05	Thứ Ba 07/05	Sáng	Tiếng Việt 1 : Viết	7 giờ 30	7 giờ 40	Viết : 30 phút
			: Đọc	8 giờ 45	8 giờ 55	Đọc theo hướng dẫn
			Tiếng Việt 3 : Viết	7 giờ 30	7 giờ 40	Chính tả : 15 phút TLV : 25 phút
			: Đọc	8 giờ 45	8 giờ 55	Đọc hiểu : 25 phút
	Thứ Tư 08/05	Sáng	Tiếng Việt 2 : Viết	7 giờ 30	7 giờ 40	Chính tả : 15 phút TLV : 25 phút
			: Đọc	8 giờ 45	8 giờ 55	Đọc hiểu : 25 phút
			Tiếng Việt 4 : Viết	7 giờ 30	7 giờ 40	TLV : 40 phút

			: Đọc	8 giờ 45	8 giờ 55	Đọc hiểu : 25 phút
	Thứ năm 09/05	Sáng	Toán 1	7 giờ 30	7 giờ 40	35 phút
			Toán 3	7 giờ 30	7 giờ 40	40 phút
			Toán 2	9 giờ 10	9 giờ 20	40 phút
			Toán 4	9 giờ 10	9 giờ 20	40 phút
	Thứ sáu 10/05	Sáng	Tiếng Việt 5 : Đọc	7 giờ 30	7 giờ 40	Đọc thành tiếng
33 Từ 01/05 đến 05/05	Thứ ba 14/05	Sáng	Tiếng Việt 5 : Viết	7 giờ 30	8 giờ 00	Chính tả, TLV, Đọc hiểu
	Thứ tư 15/05	Sáng	Toán 5	7 giờ 30	8 giờ 00	40 phút

Lưu ý:

- Nội dung kiến thức kiểm tra Tiếng Việt và Toán khối 1, 2, 3 và 4 giới hạn đến hết chương trình tuần 32.

- Nội dung kiến thức kiểm tra Công nghệ 3, 4 giới hạn đến hết chương trình tuần 31.

- Nội dung kiến thức kiểm tra Tiếng Việt và Toán khối 5 giới hạn đến hết chương trình tuần 33.

+ Đọc thành tiếng : Chọn 10 bài ngoài sách giáo khoa

+ Đọc hiểu (Đọc thầm) : Chọn bài ngoài sách giáo khoa

+ Chính tả : Chọn bài ngoài sách giáo khoa

- Nội dung kiến thức kiểm tra Khoa, Sử và Địa khối 4, khối 5 : giới hạn đến hết chương trình tuần 30.

- Số bài quy định kiểm tra Khoa, Sử và Địa khối 4, 5 là : Khoa : 8 bài, Sử : 4 bài, Địa : 4 bài. Nội dung kiểm tra rải đều các chương và không chọn những bài giới thiệu.

- Tiếng Anh, tin học khối lớp 1, 2 không làm bài kiểm tra cuối kỳ 2. Giáo viên tiếng Anh chỉ nhận xét, đánh giá.

- Học sinh thi trực tiếp.

III/ Nội dung ôn kiểm tra cuối kỳ II:

1/ Khối lớp 1:

1.1.Môn Tiếng Việt :

a/ Đọc thành tiếng: Đọc và trả lời câu hỏi về nội dung các bài đọc ngoài sách giáo khoa thuộc các chủ điểm đã học.

b/ Đọc hiểu:

- Đọc văn bản miêu tả khoảng từ 90 đến 130 chữ hay bài thơ khoảng 50 đến 70 chữ.
- Trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết trong bài đọc.
- Trả lời được những câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ.
- Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong bài đọc dựa vào gợi ý.
- Nhận biết được lời nhân vật trong bài đọc.
- Liên hệ được tranh minh họa với các chi tiết trong văn bản.
- Nêu được nhân vật yêu thích và bước đầu biết giải thích vì sao.
- Liên hệ đơn giản chi tiết trong bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống.

c/ Chính tả:

- Viết đoạn văn (hoặc thơ) từ 30 đến 35 chữ.
- Bài tập chính tả:
 - + Bài tập về chính tả âm vần.
 - + Bài tập nối câu, dấu câu; hoặc bài tập viết câu đơn giản, trả lời câu hỏi về bản thân hoặc gia đình, trường học, công đồng,... về nội dung bức tranh/ảnh.

1.2.Môn Toán:**a/ Số :**

- Cấu tạo số.
- So sánh số.
- Xếp số theo thứ tự.
- Số liền trước, liền sau hoặc số lớn nhất.
- Đặt tính rồi tính.
- Tính nhẩm

b/ Đại lượng, thời gian

- Đo đoạn thẳng.
- Tuần lễ, các ngày trong tuần.
- Viết, vẽ kim giờ trên đồng hồ

c/ Phép tính:

- Cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100.
- Đặt tính rồi tính.
- Tính nhẩm.

d/ Hình học:

Tô màu hay đếm các hình đã học: Hình tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, hình hộp chữ nhật, khối lập phương.

e/ Giải toán: Viết phép tính rồi hoàn thành câu trả lời.

2/ Khối lớp 2:

2.1. Kiểm tra đọc: 10 điểm gồm 2 phần:

2.1.1. Đọc thành tiếng: 4 điểm**a/ Hướng dẫn kiểm tra:**

- Đọc thành tiếng đoạn/ văn bản (*khoảng 65-70 tiếng/1 phút*). Khởi chọn 5 bài đọc ngoài SGK.

- Trả lời 1 câu hỏi đọc hiểu văn bản đã đọc.

b/ Hướng dẫn đánh giá :

- Đọc đúng tiếng, đúng từ, lưu loát: 1 điểm.

+ Đọc sai 3 – 5 tiếng: trừ 0,5 đ, đọc sai trên 5 tiếng: không cho điểm.

- Đọc ngắt, nghỉ hơi đúng: 1 điểm.

+ HS biết ngắt, nghỉ hơi ở dấu chấm, dấu phẩy...ngắt nghỉ hơi hợp lí ở câu dài. + Đọc ngắt, nghỉ hơi không đúng từ 2 -3 lần: trừ 0,5 đ: từ 4 lần trở lên : trừ 1 điểm.

- Tốc độ đọc; 1 điểm.

+ Đọc chậm, phải dừng lại đánh vần vượt thời gian quy định từ 30 giây – 1 phút: trừ 0,5 đ, vượt trên 1 phút: Không cho điểm.

- Trả lời câu hỏi: 1 điểm

+ Tùy mức độ sai sót GV cân nhắc cho điểm.

+ Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng : trừ 0,5 điểm

+ Trả lời sai hoặc không trả lời được : Không cho điểm

2.1.2. Đọc hiểu: 6 điểm

HS đọc thầm một bài được lựa chọn ngoài sách giáo khoa nhưng có nội dung thuộc các chủ điểm đã học trong HK2, sau đó trả lời từ 9 câu hỏi về nội dung bài đọc, về từ và câu trong khoảng thời gian 15 phút.

2.2. Kiểm tra viết: 10 điểm, gồm 2 phần:**a/ Chính tả nghe-viết: 4 điểm**

Học sinh viết bài chính tả có độ dài khoảng 50 – 55 chữ / 15 phút, trình bày đúng hình thức bài thơ hoặc văn xuôi. Ngữ liệu được chọn ngoài Sách Tiếng Việt 2.

***Lưu ý :**

- Tốc độ đạt yêu cầu :1 điểm

- Chữ viết rõ ràng (0,25 đ), viết đúng chữ, cỡ chữ (0,25 đ).

- Trình bày đúng quy định (0,25 đ); sạch, đẹp (0,25 đ).

- Viết đúng chính tả: 2 điểm.

b/ Luyện từ và câu:

– Mở rộng vốn từ : Nơi thân quen, bốn mùa, thiên nhiên, quê hương, Bác Hồ kính yêu, đất nước.

– Từ trái nghĩa

– Từ loại: Từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động- trạng thái, từ chỉ đặc điểm.

– Nhận dạng các mẫu câu: Ai (cái gì, con gì) là gì?, Ai (cái gì, con gì) làm gì?, Ai (cái gì, con gì) thế nào?.

– Nhận biết các bộ phận chính của câu; đặt câu hỏi tìm bộ phận chính của câu và các câu hỏi có từ Khi nào?; Ở đâu?; Vì sao?; Để làm gì?.

– Điền các dấu câu: phẩy, chấm, chấm than, chấm hỏi.

c/ Tập làm văn: 6 điểm(25 phút)

Thể loại: Một đoạn văn (theo yêu cầu đề bài) : Thuật việc được chứng kiến(Nói về một việc làm hằng ngày của thầy cô), việc được tham gia(một chuyến tham quan, du lịch), viết về tình cảm người em yêu quý(tình cảm của em với người thân).

Môn Toán:

*** Nội dung:**

a/ Số: Số tự nhiên

- Đọc, viết số
- Cấu tạo số,
- So sánh số
- Phân tích số có 3 chữ số thành tổng trăm, chục, đơn vị.

b/ Đại lượng :

- Đơn vị đo độ dài (km, m, dm, cm): Viết tắt, đổi đơn vị đo, ước lượng,...
- Đơn vị đo khối lượng: ki - lô – gam, nặng hơn, nhẹ hơn.
- Đơn vị đo thể tích: lít
- Thời gian: Xem đồng hồ, giờ, phút.

c/ Phép tính :

- Tên gọi các thành phần của phép tính nhân, chia.
- Các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1000(không nhớ và có nhớ);
- Phép nhân và chia: 2 và 5.
- Tính giá trị biểu thức.

d/ Hình học :

- Khối trụ, khối cầu, khối hộp chữ nhật, khối lập phương : Nhận biết hình
- Hình tam giác: Đếm hình, đọc tên
- Hình tứ giác: Đọc tên, đếm hình.

e/ Thực hành và trải nghiệm:

- Bạn đến nơi nào?
- Đo bằng gang tay để biết vật dài bao nhiêu mét?

f/ Giải toán: Các dạng bài liên quan

- Nhiều hơn, ít hơn,
- Gấp nhiều lần, chia đều.

*** Cấu trúc: Gồm hai phần**

a/ Trắc nghiệm khách quan: (3 điểm)

Bao gồm các hình thức :

- Nối cặp đôi ;
- Điền thế ;
- Điền đúng (Đ) sai (S) ;

- Ba lựa chọn.

b/ Tự luận: (7 điểm)

Kỹ năng và vận dụng bao gồm:

- Tính
- Giải toán : 1 bài dạng cơ bản.

3/ Khối lớp 3:

3.1 .Môn Tiếng Việt :

3.1.1. Đọc: Đọc đoạn văn từ 75-80 tiếng và trả lời câu hỏi thuộc các chủ điểm đã học.

a/ Luyện từ và câu:

- Câu hỏi - Câu khiến - Câu cảm
- So sánh
- MRVT: Lễ hội - Thể thao - Thiên nhiên - Quê hương
- Từ ngữ có nghĩa trái ngược
- Trả lời cho câu hỏi *Để làm gì?, Vì sao?*
- Dấu chấm hỏi - Dấu chấm than - Dấu hai chấm
- Dấu ngoặc kép - Dấu gạch ngang

b/ Viết (chính tả):

- Học sinh viết bài chính tả có độ dài khoảng 65 - 70 chữ, trình bày đúng hình thức bài thơ hoặc văn xuôi.

c/ Viết sáng tạo: Viết một đoạn văn từ 7 – 9 câu:

- Tả về một đồ vật mà em yêu thích (đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân khi đi du lịch, ...)
- Kể về một nơi mà em thích.

3.2. Môn Toán:

a/ Số và phép tính:

- Các số có bốn chữ số.
- So sánh các số có bốn chữ số.
- Cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên có 4 chữ số (trong phạm vi 100 000).
- Tính giá trị biểu thức
- Tìm thành phần chưa biết
- Giải bài toán bằng hai bước tính

b/ Hình học và đo lường

- Góc vuông và góc không vuông
- Hình chữ nhật, hình vuông
- Chu vi hình tam giác, tứ giác
- Chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông
- Gam

- Mi – li – lít

- Tháng, năm

c/ Xác suất và thống kê số liệu:

- Bảng thống kê số liệu
- Các khả năng xảy ra của một sự kiện

3.3. Môn Công nghệ

- Bài 7: Làm đồ dùng học tập
- Bài 8: Làm biển báo giao thông
- Bài 9: Làm đồ chơi

4/ Khối lớp 4:

4.1. Môn Tiếng Việt :

a/ Đọc thành tiếng : Đọc một đoạn 80 - 90 tiếng và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (Chọn bài ngoài sách giáo khoa).

b/ Đọc hiểu : Đọc thầm bài lựa chọn ngoài sách giáo khoa (có nội dung thuộc các chủ điểm đã học trong HKI) rồi trả lời các câu hỏi về nội dung bài đọc, làm các bài về luyện từ và câu. Nội dung gồm :

- Mở rộng vốn từ Quê hương (thuộc các chủ điểm đã học) gắn với nội dung bài đọc.
- Mở rộng vốn từ Du lịch (thuộc các chủ điểm đã học) gắn với nội dung bài đọc.
- Dấu gạch ngang.
- Dấu ngoặc kép.
- Dấu ngoặc đơn.
- Trạng ngữ.
- Câu và thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ) của câu: Đặc điểm và chức năng.

c/ Viết : Viết một bài văn hoàn chỉnh thuộc thể loại :

- Bài văn miêu tả con vật.

4.2. TOÁN :

a/ Số và phép tính:

❖ Số tự nhiên :

- Số và cấu tạo thập phân của một số:
 - Đọc, viết được các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).
 - Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số và giá trị theo vị trí của từng chữ số trong mỗi số.

- Nhận biết được số chẵn, số lẻ.

- So sánh các số:

- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi lớp triệu.

▪ Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi lớp triệu).

▪ Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm không quá 4 số (trong phạm vi lớp triệu).

▪ Làm tròn được số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn, tròn trăm nghìn.

❖ Các phép tính với số tự nhiên:

- Phép cộng, phép trừ:

▪ Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số tự nhiên trong phạm vi 100 000 (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).

▪ Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng và quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán.

- Phép nhân, phép chia:

▪ Tìm được số trung bình cộng của hai hay nhiều số.

▪ Thực hiện phép nhân với các số không quá hai chữ số.

▪ Thực hiện được phép chia với các số không quá hai chữ số (chia hết).

▪ Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia trong thực hành tính toán.

- Tính nhẩm: Vận dụng được tính chất của phép tính để tính nhẩm và tính bằng cách thuận tiện nhất.

- Biểu thức số và biểu thức chữ:

▪ Làm quen với biểu thức chứa một, hai, ba chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa một, hai, hoặc ba chữ (trường hợp đơn giản).

▪ Vận dụng được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính giá trị của biểu thức.

- Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học:

▪ Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến 2 hoặc 3 bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) bài toán liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; tìm số trung bình cộng của hai số; bài toán liên quan đến rút về đơn vị, bài toán liên quan đến tìm hai số khi biết tổng và hiệu).

❖ Phân số:

- Khái niệm ban đầu về phân số:

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về phân số, tử số, mẫu số.
- Đọc viết được các phân số.
- Tính chất cơ bản của phân số:
 - Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
 - Thực hiện được việc rút gọn phân số trong những trường hợp đơn giản.
 - Thực hiện được việc quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.
- So sánh phân số:
 - So sánh và sắp xếp được thứ tự các phân số trong những trường hợp sau: Các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.
 - Xác định được phân số lớn nhất, bé nhất (trong một nhóm không quá bốn phân số) trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.
 - Thực hiện được việc quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.
- ❖ Các phép tính với phân số:
 - Các phép tính cộng, trừ, nhân với phân số:
 - Thực hiện được phép cộng, trừ, nhân, chia phân số trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.
 - Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính liên quan đến hai phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.

b/ Hình học và đo lường :

❖ Hình học:

Hình học:

- Nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
- Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.

❖ Đo lường:

- Nhận biết và thực hiện việc chuyển đổi các đơn vị đo diện tích m^2 , dm^2 , mm^2 và quan hệ giữa các đơn vị đó.
- Nhận biết được các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ và quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học.
- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn và quan hệ giữa các đơn vị đo đó với ki – lô – gam.

- Nhận biết đơn vị đo góc: độ ($^{\circ}$).

c/ Một số yếu tố thống kê và xác suất :

- Một số yếu tố thống kê:
 - + Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu: Nhận biết được về dãy số liệu thống kê.
 - + Nhận biết được cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
 - + Đọc và mô tả được các số liệu ở biểu đồ cột.
 - + Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ cột (không yêu cầu học sinh vẽ biểu đồ).
 - + Nêu được một số nhận xét đơn giản từ số liệu dạng biểu đồ cột.
 - + Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong biểu đồ cột.
 - + Làm quen và phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên việc quan sát các số liệu từ biểu đồ cột.
 - + Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến số liệu thu được từ biểu đồ cột.
- + Một số yếu tố xác suất:
 - + Kiểm đếm số lần lặp lại của một khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện.
 - + Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín,...)

d/ Hoạt động thực hành và trải nghiệm :

Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng như: thực hành tính và ước lượng chu vi, diện tích của một số hình phẳng trong thực tế liên quan đến các hình phẳng đã học; tính toán và ước lượng về khối lượng, ...(lồng ghép trong các mạch kiến thức).

4.3. Khoa học : Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 30, kiến thức trải đều ở 2 chủ đề:

- Chủ đề 4: Năm
- Chủ đề 5: Con người và sức khỏe

4.4. Lịch sử và địa lý : Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 30, kiến thức trải đều ở 3 chủ đề:

- Chủ đề 4: Duyên hải miền Trung
- Chủ đề 5: Tây Nguyên

- Chủ đề 6: Nam Bộ

4.5. Công nghệ: Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 31, kiến thức trải đều ở phần 2: Thủ công kỹ thuật.

5/ Khối lớp 5:

5.1. Môn Tiếng Việt :

a/ Đọc thành tiếng : Đọc đoạn 120 tiếng và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc (Chọn 10 bài ngoài sách giáo khoa)

b/ Đọc hiểu : Đọc thầm bài lựa chọn ngoài sách giáo khoa (có nội dung thuộc các chủ điểm đã học trong HKII) rồi trả lời các câu hỏi về nội dung bài đọc, làm các bài về luyện từ và câu. Nội dung gồm :

- Mở rộng vốn từ, giải nghĩa từ, thành ngữ hoặc tục ngữ trong bài (thuộc các chủ điểm đã học) gắn với nội dung bài đọc.
- Nghĩa hàm ngôn trong đoạn văn
- Từ đồng âm, đồng nghĩa, trái nghĩa, nhiều nghĩa, đại từ, quan hệ từ.
- Nhận dạng câu ghép và đặt câu ghép.
- Cách nối các vế câu trong câu ghép.
- Cách liên kết câu.
- Nhận biết các bộ phận chính của câu, bộ phận phụ trạng ngữ và dùng câu có trạng ngữ.
- Xác định từ loại.
- Nhận biết các dấu câu và tác dụng của nó.

c/ Chính tả (nghe – viết) : Học sinh viết bài chính tả có độ dài khoảng 100 chữ, trình bày đúng hình thức bài thơ hoặc văn xuôi. Ngữ liệu được chọn ngoài sách giáo khoa.

d/ Tập làm văn : Viết một bài văn hoàn chỉnh về thể loại văn miêu tả (tả người, tả cảnh).

5.2. Môn Toán :

a/ Số :

➤ Số tự nhiên :

- Đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự ; giá trị theo vị trí
- Số chẵn, số lẻ, số liền trước, liền sau
- Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9

➤ Phân số, hỗn số :

- Khái niệm phân số, hỗn số
- Tính chất cơ bản của phân số, quy đồng, rút gọn
- Biểu diễn phân số trên tia số
- Phân số bằng nhau, so sánh các phân số
- Xếp thứ tự
- Viết hỗn số ra phân số

➤ Số thập phân, Tỉ số phần trăm :

- Đọc, viết, so sánh, xếp thứ tự
- Viết phân số thập phân, hỗn số dưới dạng số thập phân
- Số thập phân bằng nhau. Nhận biết giá trị theo vị trí chữ số trong một số
- Viết số thập phân, phân số dưới dạng phân số thập phân
- Viết số thập phân dưới dạng tỉ số phần trăm và ngược lại

b/ Đại lượng :

- Đơn vị đo độ dài, khối lượng, diện tích, thể tích, thời gian

c/ Phép tính:

- Cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên, số thập phân, phân số, số đo thời gian (đặt tính và nhẩm).

- Tính giá trị biểu thức.
- Tìm thành phần chưa biết.
- Tìm tỉ số phần trăm.

d/ Hình học :

- Diện tích, chu vi các hình : chữ nhật, vuông, tam giác, hình bình hành, hình thoi, hình thang, hình tròn.

- Diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật.

e/ Giải toán :

- Trung bình cộng.
- Tổng – hiệu, Tổng – tỉ, Hiệu – tỉ.
- Bài toán liên quan đến đại lượng tỉ lệ.
- Toán về tỉ số phần trăm.
- Toán về chuyển động đều.

- Toán có nội dung hình học.

g/ Biểu đồ :

- Hình cột.
- Hình quạt.

5.3. **Khoa học**: Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 30, rải đều các bài thuộc các chương :

- Sự biến đổi của chất.
- Sử dụng năng lượng.
- Thực vật và động vật.

5.4. **Lịch sử**: Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 30, rải đều các bài thuộc các chương :

- Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975).
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (1975-nay).

5.5. **Địa lý**: Nội dung ôn tập từ tuần 19 đến tuần 30, rải đều các bài thuộc chương : Địa lí thế giới

6/ Tiếng Anh:

6.1. Khối lớp 3:

6.1.1. Unit 7. P 54

a/ **Words**: skirt, scarf, jeans, boots, shirt, T-shirt, dress, hat, cap, shoes, chair, three.

b/ **Grammar**: Present continuous tense.

Khẳng	Nghi vấn	Phủ định
+ I am + V-ing ...	? Am I + V-ing ...?	- I am not + V-ing ...
+ He / She / It + is + V-ing ...	? Is + he / she / it + V-ing....?	- He / She / It + isn't + V-ing ...
+ You / We / They + are + V-ing...	? Are + you / we/ they + V-ing...?	- You / We / They + aren't + V-ing..

c/ **Sentence model**: I'm wearing a blue skirt.

6.1.2. Unit 8. P 60

a/ **Words**: play-(playing), dance-(dancing), sing-(singing), eat-(eating), talk-(talking), watch-(watching), wash-(washing) the car, brush-(brushing) my hair, take-(taking) photos, drum, truck, crayon

b/ Model sentence: I'm dancing with dad.

6.1.3. Unit 9. P 66

a/ Words: play soccer, ride a bike, run, catch, fly, jump, read, write, see, hear, smell, taste, touch, rain, train, fly, sky

b/ Model sentence: I can hear with my ears.

6.1.4. Unit 10. P 76

a/ Words: listen to an audio guide, take a photo, draw a picture, visit the gift shop, old, new, great, boat, goat, toy, boy

b/ Model sentence: May I take a photo? Yes, you may. No, you may not.

6.1.5. Unit 11. P 82

a/ Words: rug, cabinet, shelf, pillow, blanket, eleven, twelve, thirteen, fourteen, fifteen, sixteen, seventeen, eighteen, nineteen, twenty, ear, near, hear, scared, share, square

b/ Grammar:

- **There be:** có, chỉ sự tồn tại (Simple present)

+ There is (+Danh từ đếm được, số ít) one/a/an.....

+ There are (+Danh từ đếm được, từ 2 trở lên) two/some/a lot of....

- **Prepositions of place:** on, in, under, in front of, behind, between, near/next to...

- **Model sentence:** There is a doll on the rug.

6.2. Khối lớp 4:

6.2.1. Listening:

- Dạng Movers không quá 10 khiên.

- Family and friends 4 National Edition từ Unit 7 đến Unit 12

6.2.2. Speaking:

- Từ Unit 7-> Unit 12

- Nhìn tranh trả lời

- 20 personal questions

- Giới hạn Movers không quá 10 khiên.

6.2.3. Reading and Writing:

a/ UNIT 7.IT ISN'T COLD TODAY!

- **Words:**

+ Weather: rainy, windy, hot, cold, snowy, sunny

+ Weather activities: fly a kite, make a snowman, go outside

- **Grammar:**

+ What's the weather like?

+ It's windy.

+ Wear a sun hat.

+ Why?

+ Because it's sunny.

+ Wear a sun hat because it's sunny.

- **Phonics:** /n/ ring, bang, long /3/ treasure, measure, explosion

- Reading: Skills Time page 58!

b/ UNIT 8. LET'S BUY PRESENTS!

- Words: Special days, candy, balloon, present, candle, neighbor, invite, gift card, chocolate

- Grammar:

+ We like/don't like balloons. Do they like balloons?

+ Yes, they do. / No, they don't.

+ What do they like? They like balloons. He likes this candy because it's red.

- Phonics:

+ /0/ father, brother, this, that

+ /0/ three, throw

- Reading: MAKE A THANK- YOU CARD PAGE 64!

c/ UNIT 9. WHAT TIME IS IT?

- Words:

+ Everyday activities get up, have breakfast, go to school, go home, have dinner, go to bed

+ Times of day and Time: Morning, afternoon, evening

- Grammar:

+ What time is it? It's seven o'clock. What time does he go to bed? He goes to bed at nine o'clock in the evening.

+ What time do you/they get up? We/I/They get up at seven o'clock in the morning.

- Phonics:

+ Flute, you

+ Foot

+ New

- Reading: Skill Times page 70!

d/ UNIT 10. DO YOU LIKE FISHING?

- Words:

+ Hobbies: read comics, play chess, fish, play basketball, play volleyball, play badminton.

- Grammar:

+ He likes/doesn't like reading comics. They Like/don't like playing basketball.

+ Does he/she like playing chess? Yes, he/she does. /No, he/she doesn't.

+ We like playing chess, but we don't like playing volleyball.

- Phonics: Corn, horn, storm /a:/ car, farm, star

- Reading: Our Computer Room page 80!

e/ UNIT 11. HOW DO WE GET TO THE HOSPITAL?

- Words:

+ Prepositions of place: next to, opposite, between

+ Directions

+ Turn left, turn right, go straight

+ Places

+ Train station, bus station, supermarket

- Grammar:

- + How do we get to the hospital? Turn left. Go straight at the traffic lights.
- + It's opposite the school.
- + It's between the book store and the library.
- + It's next to the library.

- Phonics: /:/: germs, fern, girl, bird, nurse, hurt

- Reading: Skill Times page 86!

g/ UNIT 12. A SMART BABY!

- Words:

- + Adjectives to describe people old, young, handsome, pretty, cute, smart
- + Words to describe rooms: neat, messy, floor

- Grammar:

- + Past simple with be: affirmative and negative
- + I/He/ She was cute.
- + You/We/They were very young. My/His/ Her hair wasn't white. You/We/They weren't all different.

- Phonics:

- + /i:/: green, eat Consonant blends:
- + /sl/: sleep /sp/: spoon

- Reading: Skills Time page 92!

6.3. Khối lớp 5:

***Listening:**

- Flyers.
- Family & Friends 5 từ Unit 7 đến Unit 12

***Reading & Writing: Family & Friends 5 từ Unit 7 đến Unit 12**

- Reading

- + Simple present tense
- + Simple past tense
- + Simple future tense
- + Preposition
- + How to use MANY, MUCH & LOTS OF/ SOME & ANY
- + Comparative and superlative
- + Pronunciation: /t/ , /id/ , /d/
- + Structure of Unit 12:
 - *Let's + bare infinitive.
 - *Why don't you?
 - *How about + Verb-ing?
- ✓ That's a good idea.
- ✓ Great idea.
- ✓ OK
- + Traffic signs

+ Vocabularies of Lesson 1 & 5 from Unit 7 to Unit 12

+ Vocabularies of Flyers

- Writing

+ Flyers writing

+ Writing in Family and friends 5 special edition (Student Book and Workbook)

*** Speaking**

+ Questions in Family and friends 5 special edition (Student Book and Workbook)

+ Familiar topics in notebooks.

IV/ Đề kiểm tra

Việc ra đề kiểm tra:

- Căn cứ theo chuẩn kiến thức – kỹ năng các môn học, phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và yêu cầu giảm tải theo đúng phân phối chương trình của BGD&ĐT, đồng thời thực hiện đúng các chỉ đạo của các cấp quản lý giáo dục.

- Đề phải tường minh, chặt chẽ, khoa học.

- Có tính phân hóa cho từng đối tượng học sinh, được thiết kế theo 4 mức độ quy định tại Điều 10 của Thông tư 22 (đối với học sinh khối lớp 5); thiết kế theo 3 mức độ đánh giá được quy định tại Điều 7 của Thông tư 27 (đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4).

- Lập ma trận cho tất cả đề kiểm tra.

- Mỗi tổ chuyên môn soạn ít nhất 3 đề kiểm tra (có ma trận) + đáp án/môn học → Hiệu trưởng (Phó Hiệu trưởng chuyên môn duyệt đề, biên soạn lại thành 1 bộ đề chính thức và 1 bộ đề dự trữ).

- Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về việc in ấn và bảo mật đề kiểm tra theo một quy trình chặt chẽ, tránh để xảy ra trường hợp thất thoát hoặc đề kiểm tra không còn được bảo mật.

- Đề kiểm tra và đáp án phải được Hiệu trưởng ký duyệt và chịu trách nhiệm.

Lưu ý:

* Đối với những học sinh học hòa nhập (có hồ sơ y tế và có giấy xác nhận dạng tật của địa phương), trường có đề thi riêng để đánh giá học sinh theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân.

* Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm photo và bảo mật đề kiểm tra.

V/ Coi kiểm tra – Chấm bài kiểm tra

- Việc phân công giám thị chỉ được công bố đầu giờ trước mỗi buổi kiểm tra.

- Trong quá trình coi kiểm tra, giám thị ngồi đúng vị trí quy định, không đi lại nhiều trong phòng, không đem điện thoại di động vào phòng, không đọc sách báo, không nói chuyện hay làm việc riêng, không xem và giải bài.

- Vị trí ngồi của học sinh buổi kiểm tra môn thứ hai phải được thay đổi chỗ.
- Trường hợp học sinh vắng mặt trong ngày kiểm tra, Phó Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra bổ sung (lần 2).
- Sau mỗi buổi kiểm tra, Phó Hiệu trưởng có trách nhiệm kiểm tra, niêm phong, bảo quản bài làm của học sinh.

- **Khối 1 → khối 4 :** {
 - **Coi:** Giáo viên trong khối và khối lớp trên.
 - **Chấm:** Giáo viên trong khối;
 Giáo viên lớp trên chấm thăm định 20%.

- **Khối 5:** {
 - **Coi:** Giáo viên tiểu học (không là giáo viên lớp 5).
 - **Chấm:** Giáo viên lớp 5 và giáo viên lớp 4;
 Giáo viên THCS chấm thăm định 15% (cả TATC)

- **Khoa học; Lịch sử + Địa lý** : Giáo viên coi và chấm chéo trong khối.

*** Tất cả các bài thi môn Tiếng Việt và Toán (không kể bài Đọc thành tiếng) đều được cắt phách; Mỗi bài thi đều được nhận xét của giám khảo chấm bài.**

Không phân công giáo viên coi và chấm bài kiểm tra có con hoặc em đang học lớp Năm tại trường đang công tác.

Học sinh lớp 5 được sắp xếp theo A, B, C... toàn khối và trung bình mỗi phòng có 25 em dự kiểm tra.

Sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá định kì cuối năm học các môn học, giáo viên tiếp nhận đơn xin phúc khảo của cha mẹ học sinh (nếu có) và hẹn thời gian trả lời chính xác. Các nội dung trả lời phải rõ ràng, cụ thể, đúng nội dung. Giáo viên đón tiếp cha mẹ học sinh ân cần, thân thiện, tránh gây phiền hà cho cha mẹ học sinh.

VI. Đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả kiểm tra

- Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm họp với các giáo viên dạy bộ môn, thông qua nhận xét quá trình và kết quả học tập, hoạt động giáo dục khác để tổng hợp đánh giá mức độ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của từng học sinh.

- Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường.

- Hiệu trưởng chỉ đạo nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh giữa các lớp.

- Dựa trên quy định đánh giá học sinh tiểu học, việc đánh giá học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp phổ cập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh.

1. Về việc xét duyệt lên lớp

Thực hiện theo Mục 1, Điều 14 Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 và Mục 1, Điều 11 Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh tiểu học ngày 22/9/2016

Sau khi xét duyệt, Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả kiểm tra của những học sinh chưa đạt yêu cầu để chỉ đạo giáo viên có biện pháp tích cực giúp học sinh hoàn thành chương trình đúng chất lượng, tuyệt đối không để học sinh lên lớp trong tình trạng không đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học

- Việc xét duyệt học sinh “Hoàn thành chương trình bậc tiểu học” thực hiện theo Điều 14 Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh tiểu học ngày 28/8/2014.

- Kết quả **“Hoàn thành chương trình tiểu học”** được ghi thẳng vào học bạ hoặc đóng dấu (mực xanh hoặc mực đen).

Hiệu trưởng trường tiểu học sẽ cấp Giấy xác nhận **HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH TIỂU HỌC**.

- Cách ghi điểm trong Sổ Liên lạc: Giáo viên chủ nhiệm bổ sung thêm dòng “*Điểm kiểm tra cuối năm học*” đầu trang 17:

Điểm kiểm tra cuối năm:

TV :

Toán :

3. Hồ sơ xét duyệt lên lớp

- Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt.

- Biên bản xét duyệt các tổ (có phân công các thành viên kiểm tra hồ sơ); lớp 5 là Biên bản xét duyệt hoàn thành chương trình tiểu học.

- Biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt trường.

- Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp.

- Danh sách học sinh kiểm tra lại (đối với lớp 1-2-3-4).

Riêng lớp Năm, ngoài các hồ sơ trên, còn có :

- Bảng ghi tên ghi điểm.

- Học bạ lớp 5.

- Danh sách học sinh chưa hoàn thành chương trình tiểu học.

4. Khen thưởng

- Việc khen thưởng được thực hiện theo Điều 16 của Thông tư 22 và Điều 13 của Thông tư 27 (Đối với lớp 1, 2, 3, 4).

VII/ Công việc sau kiểm tra

- Sau khi chấm bài xong, phó hiệu trưởng gửi báo cáo thống kê về Tổ Phổ thông (theo địa chỉ mail [Cô Huê Hường](#)).

- Phó hiệu trưởng có trách nhiệm gửi files toàn bộ đề kiểm tra của các khối lớp (có cả ma trận đề và đáp án), và báo cáo các hoạt động tổ chức thực hiện kiểm tra cuối học kì II cho **Cô Hoàng**)

Nơi nhận:

- PGD;
- PHT; TTCM
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nguyệt Nga